CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà PEARL PLAZA, P.25,Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +848.35.128.668 Fax: +848.35.128.688
haiminhgroup@vnn.vn ***www.haiminh.com.vn***

HAI MINH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT **2016**

TP. HỒ CHÍ MINH
04 - 2017

MỤC LỤC

1	Tổng quan về Công ty cổ phần Hải Minh	2
2	Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm	8
3	Báo cáo của Ban giám đốc	13
4	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	16
5	Quản trị công ty	19
6	Báo cáo tài chính hợp nhất 2016 (đã kiểm toán)	24

www.haiminh.com.vn

Phần I
TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

1. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tên tiếng anh: HAIMINH CORPORATION

Tên giao dịch viết tắt: HAMI CORP

Địa chỉ: TẦNG 17, TÒA NHÀ PEARL PLAZA, P. 25, Q. BÌNH THẠNH, TP HCM

Điện thoại: 08 3512 8668 Fax: 08 3512 8688

Vốn điều lệ: 131.998.470.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 131.998.470.000 đồng

Website: www.haiminh.com.vn

Niêm yết cổ phiếu tại: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu: Công ty cổ phần Hải Minh

Mệnh giá: 10.000 đ /cổ phần

Mã chứng khoán: HMH

Số lượng cổ phiếu niêm yết: 13.199.847 CP

www.haiminh.com.vn

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Ngày 24/01/2002 Công ty Cổ phần Hải Minh thành lập theo Giấy CNĐKKD số 4103000801 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ ban đầu là 1,5 tỷ đồng với mười một cổ đông sáng lập,thay đổi Giấy CN ĐKKD lần cuối cùng (lần thứ 14) ngày 30 tháng 05 năm 2016.

Qua một chặng đường phát triển, một số cột mốc đáng chú ý như sau:

- 01/2002 : Thành lập Công ty cổ phần Hải Minh
- 06/2005 : Thành lập Công ty thành viên đầu tiên – Công ty Hải Thanh Thanh
- 08/2005 : Thành lập liên doanh đầu tiên – Hoàng Nam Logistics
- 10/2006 : Thành lập Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) là Công ty liên doanh giữa Công ty Cổ phần Hải Minh và hảng tàu "K" Line Nhật Bản.
- 03/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 29,2 tỷ đồng
- 04/2007 : Mở tuyến vận tải container bằng đường thủy Hồ Chí Minh – Campuchia
- 10/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 49,3 tỷ dồng
- 06/2008 : Nâng vốn điều lệ lên 56,16 tỷ đồng
- 06/2010 : Được chính thức chỉ định là đại lý cho Samudera Shipping Line (Singapore) tại Việt Nam
- 07/2010 : Niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- 08/2010 : Thành lập Công ty liên doanh với tập đoàn DongBu Hàn Quốc (Cty TNHH Tiếp Vận DongBu - Hải Minh)
- 10/2011 : Niêm yết bổ xung 1.741.116 cổ phiếu,tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 17.411.160.000 đ .Nâng vốn điều lệ lên 73,57 tỷ đồng
- 10/2011 tiến hành đàm phán với PISD thành lập Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh – Tỷ lệ vốn góp ban đầu là 13%. Công ty đã được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và hoạt động từ tháng 03/2012, đến tháng 11/2012 Hải Minh đã nhận chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp của PISD.
- 12/2012: Đăng ký lưu ký bổ xung 2.642.504 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 26.425.040.000đ. Nâng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng (theo đúng vốn đăng ký trên giấy phép ĐKKD) và số cổ phiếu này đã được UBCK chấp thuận niêm yết tại sàn HNX vào tháng 01/2013.
- 09/2013: Sáp nhập Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng vào Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh.
- 03/2015: Thành lập Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh.
- 12/2015: Đăng ký lưu ký bổ xung 3.199.847 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 31.998.470.000đ. Nâng vốn điều lệ lên 131.998.470.000 đồng và số cổ phiếu này đã được UBCK chấp thuận niêm yết tại sàn HNX vào tháng 01/2016.
- 08/2016: Đưa vào sử dụng bãi Container với diện tích 2.3 ha tại Hải phòng

www.haiminh.com.vn

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

Công ty đăng ký hoạt động kinh doanh chính tại 02 thành phố là Tp. HCM và Hải Phòng với các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu như sau:

- ✓ Vận tải nội địa và quốc tế; Kho vận và phân phối;
- ✓ Khai thác cảng, cho thuê kho bãi, dịch vụ đại lý hàng hải;
- ✓ Sữa chữa và kinh doanh các thiết bị chuyên dụng, container;
- ✓ Đại lý tàu biển; cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển.
- ✓ Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp;
- ✓ Mua bán xe chuyên dùng…

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

www.haiminh.com.vn

4.1 Mô hình quản trị bao gồm:

- ✓ Đại hội đồng cổ đông
- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng
- ✓ Tổng giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các đơn vị thành viên, thông qua người phụ trách cao nhất tại các đơn vị là Giám đốc các đơn vị thành viên và các trưởng phó phòng.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý – sơ đồ tổ chức:

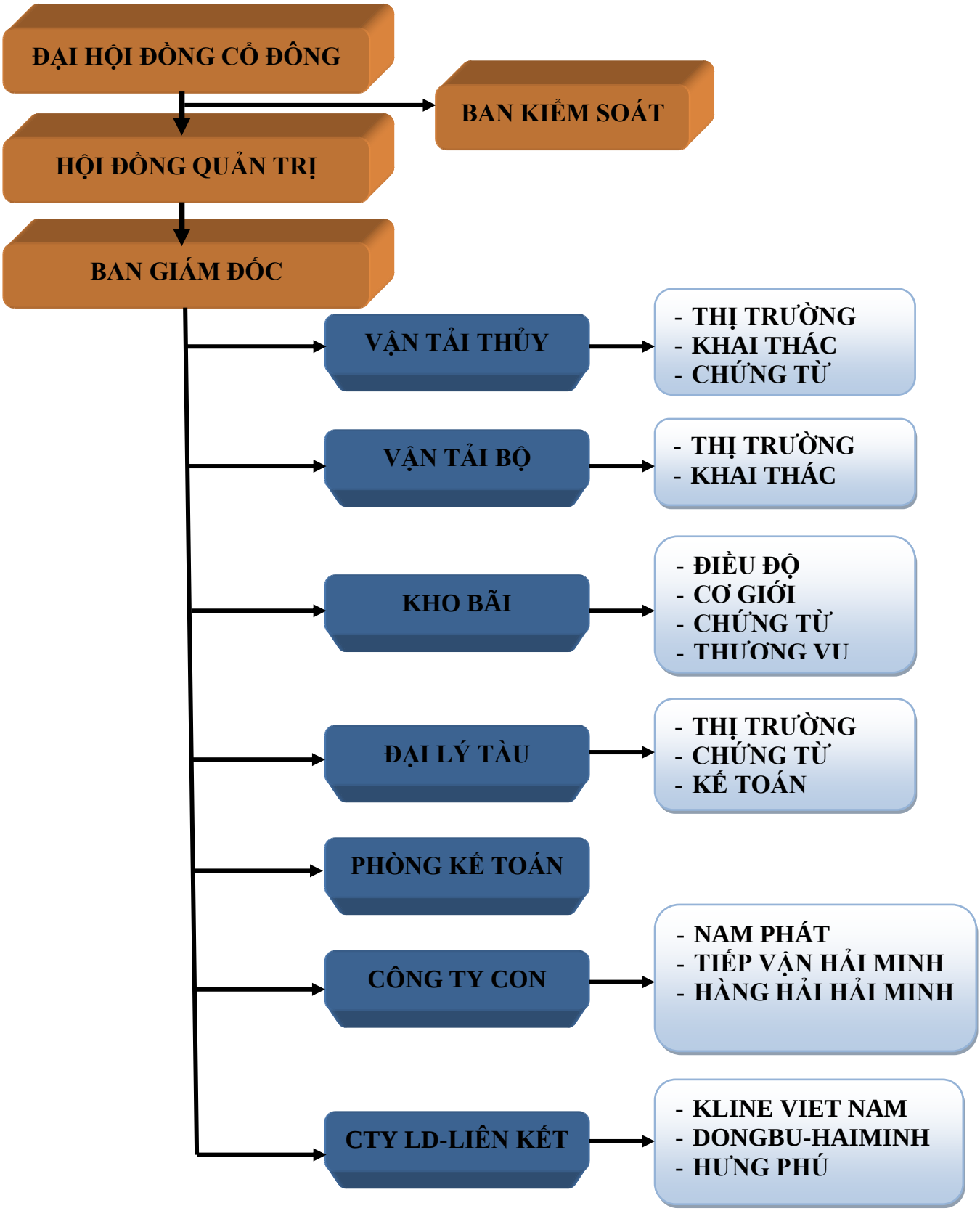

www.haiminh.com.vn

4.3 Các công ty con, công ty liên kết:

4.3.1 Các công ty con:

- ✓ Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát hoạt động theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202006749 ngày 25/06/2008 do sở hế hoạch đầu tư Tp Hải Phòng cấp
  Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh (HaiMinh –Tower), Km 105 đường bao Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp Hải Phòng
  Vốn điều lệ: 21.484.000.000đ
  Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 96,08%

- ✓ Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh Hải phòng hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0201242464 ngày 20/02/2012 do do sở kế hoạch đầu tư Tp.Hải Phòng cấp.
  Trụ sở chính: Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh (HaiMinh –Tower), Km 105 đường bao Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp Hải Phòng
  Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đ
  Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 99,86%
- ✓ Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 020624350 ngày 06/03/2015 do do sở kế hoạch đầu tư Tp.Hải Phòng cấp.
  Trụ sở chính: Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh (HaiMinh –Tower), Km 105 đường bao Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp Hải Phòng
  Vốn điều lệ: 42.000.000.000 đ
  Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 100%

4.3.2. Các công ty liên kết

- ✓ Công ty TNHH "k" Line Việt Nam hoạt động theo giấy phép đầu tư số 011021000027 ngày 24/10/2006 do bộ Kế hoạch đầu tư cấp.
  Trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Sun Red River, 23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
  Vốn điều lệ: 500.000 USD
  Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 25%

- ✓ Công ty Tiếp vận DongBu Hải Minh hoạt động theo giấy phép đầu tư số 411022000536 ngày 31/08/2010 do UBND Tp.HCM cấp
  Trụ sở chính: 01 Đinh Lễ, P12, Q5, HCM
  Vốn điều lệ: 605.000USD
  Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 49%

www.haiminh.com.vn

- ✓ Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0311190956 ngày 09/09/2011 do UBND Tp.HCM cấp
  Trụ sở chính: 21/4 Đường liên phường, Phường Phú Hữu, Q9, TpHCM
  Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đ
  Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 40%
  Công ty cổ phần Hải minh thoái toàn bộ vốn khỏi Công ty Hàng hải Hưng phú từ tháng 7 năm 2016

5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN

Luôn tuân chỉ và bám sát phương châm:

"Phát triển bền vững, bảo toàn vốn, đẩy mạnh hợp tác liên doanh - liên kết, đảm bảo lợi ích nhà đầu tư & người lao động".

- ✓ Hiệu quả cao trong tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ✓ Mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động, đầu tư thêm cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh;
- ✓ Tìm kiếm mở rộng phạm quy hợp tác với các đối tác nhằm phát huy nội lực của công ty kết hợp với thế mạnh của các đối tác;
- ✓ Đảm bảo an toàn và phát triển đồng vốn chủ sở hữu;
- ✓ Nâng cao đời sống cho cán bộ CNV Công ty.

www.haiminh.com.vn

Phần II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1 Kết quả hoạt động SXKD trong năm:

- Hoạt động kinh doanh năm 2016 của công ty không tránh khỏi những khó khăn chung của nền kinh tế nhưng nhìn chung Công ty vẫn duy trì ổn định. Cụ thể kết quả kinh doanh năm 2016 của công ty đạt được như sau:
- Tổng doanh thu từ hoạt động SXKD đạt 129,39 tỷ đồng đạt 86,11% so kế hoạch và giảm 8,35% so với năm 2015. Tổng chi phí đạt 106,13 tỷ đồng bằng 85,1% so với kế hoạch giảm 9,89%. Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 31,06 tỷ đồng đạt 92% so với kế hoạch và giảm 6,66% so với năm 2015. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 2.113 đồng /cổ phần.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: Triệu đồng

www.haiminh.com.vn

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2015	Kế Hoạch 2016	Thực hiện 2016	2016 TH/KH (%)	2016/2015 (%)
Tổng doanh thu	**141.181**	**150.012**	**129.390**	**86,0**	**91,65**
+ DT từ hoạt động SXKD	135.815	145.492	115.966	80,0	85,39
+ DT tài chính	3.941	3.020	11.404	377,6	289,37
+ DT Khác	1.425	1.500	2.020	134,7	141,75
Tổng chi phí	**117.773**	**124.800**	**106.128**	**85,0**	**90,11**
+ CP giá vốn	108.717	115.068	95.849	83,3	88,16
+ Tài chính	165	100	154	154,0	93,33
+ CP quản lý doanh nghiệp	8.875	9.632	9.928	102,6	111,86
+ CP Khác	15	0	197	197,0	1313,0
Lợi nhuận sau thuế	**18.434**	**20.250**	**18.821**	**93,0**	**102,1**
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	**14.844**	**13.600**	**12.241**	**90,0**	**82,46**
Tổng lợi nhuận hợp nhất	**33.278**	**33.850**	**31.062**	**92,0**	**93,34**

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

2.1 Danh sách ban điều hành

a. Ông *Nguyễn Thế Hưng – Tổng giám đốc*

- Họ và tên : **NGUYỄN THẾ HƯNG**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 16/10/1973
- Nơi sinh : Hải Phòng Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hải Phòng
- Số CMND : 024897269 Cấp ngày 10/12/2008 tại CA TpHCM
- Địa chỉ thường trú: 92/12 Lâm Văn Bền,P.Tân Thuận Tây ,Quận 7, TPHCM
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán.
- Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2016): 173.695 cổ phần (1,32% Vốn điều lệ)

b. Ông *Đặng Ngọc Hùng –P. Tổng giám đốc*

- Họ và tên : **ĐẶNG NGỌC HÙNG**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh: 17/01/1961
- Nơi sinh : Hà nội Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán: Hà nội
- Số CMND : 020376721 Cấp ngày 27/04/2007 tại CA TpHCM
- Địa chỉ thường trú: 62AVõ Thị Sáu – P. Tân Định – Q.1, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Khoa học
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc công ty.
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2016): 24.380 cổ phần (0,18% Vốn điều lệ).

c. Ông *Trần Đoàn Viện – Giám đốc phụ trách phía Bắc*

- Họ và tên : **TRẦN ĐOÀN VIỆN**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh: 28/08/1970
- Số CMND : 030955726 Cấp ngày 31/12/2008 tại CA Tp Hải Phòng
- Nơi sinh : Hưng Yên Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 8/59 Hoàng Quý, Quận Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế VT Biển
- Chức vụ công tác hiện nay : GĐ C.ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2016): 71.808 cổ phần (0,54% Vốn điều lệ).

www.haiminh.com.vn

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến thời điểm 31/12/2016 Công ty có 163 CB CNV, trong đó trình độ trên đại học chiếm 0,61%, trình độ đại học và cao đẳng chiếm 41,72%, Trung cấp và có bằng nghề chuyên môn chiếm 57,67%.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ,TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

3.1 Tình hình đầu tư:

- ✓ ***Đầu tư bãi container 23.000 m^2 Đình vũ:*** Tổng mức đầu tư đến 31/12/2016 là 41,07 tỷ đồng bao gồm:

  Năm 2015 là 26,87 tỷ đồng.

  Năm 2016 là 14,2 tỷ đồng cho các các hạng mục: Nhà văn phòng điều hành bãi, đường thoát nước, cổng tường rào, hệ thống cung cấp điện, nước, hệ thống cứu hỏa và 15.000 m^2 mặt bãi. Bãi container Đình Vũ đã hoàn tiện và đưa vào hoạt động từ đầu tháng 8/2016..

- ✓ ***Mở tuyến vận chuyển container HCM – Phú Quốc*:** Đã tiến hành đóng sà lan phù hợp với tuyến vận chuyển dự kiến hoàn thành trong quý 1/2017 song chưa ấn định được thời gian mở tuyến do chưa tìm được đối tác hợp tác tổ chức bốc xếp container tại đảo Phú Quốc.

3.2 Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty liên quan:

Đơn vị tính: 1000 đồng

Các chỉ tiêu	TV NamPhat (96,08%)	TV Hải Minh (100%)	TNHH DV HH Hải Minh (100%)
Tổng DT	38.809.343	48.567.585	10.687.972
Tổng CP	36.732.000	43.978.686	9.008.692
LN sau thuế	1.661.873	3.671.119	1.679.280

Ngoài ra còn một số đơn vị mà Công ty có tham gia đầu tư tài chính, nhằm tận dụng sức mạnh của đối tác và và khai thác triệt để khả năng của công ty như:

+ C.ty TNHH Vận Tải & Xếp dỡ Hải An

www.haiminh.com.vn

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính của Công ty trong năm ổn định, nguồn vốn dành cho hoạt động sản xuất kinh doanh được đảm bảo, thanh khoản tốt, đảm bảo chế độ tiền lương và chính sách với người lao động, thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước kịp thời đúng qui định.Công tác thu hồi công nợ thực hiện tốt, dòng tiền từ hoạt động sán xuất kinh doanh dương, đủ đảm bảo cho dòng tiền cho hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính…

4.2 Các chỉ tiêu tài chính

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	28,55	33,29	34,57
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	71,45	66,71	65,43
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	6,00	4,95	7,85
Vốn chủ sở hữu/ Nguồn vốn	%	93,50	95,05	92,15
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	42,79	28,16	30,61
Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	36,49	24.50	26,79
Lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	20,59	14,21	12,0
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,68	13,00	11,71
Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư CSH	%	40,75	25,21	23,53
Lãi cơ bản /cổ phiếu (EPS)	vnđ	3,728	2,975	2,113

Các chỉ tiêu tài chính 2016 cho thấy, tình hình tài chính của công ty rất lành mạnh, khả năng thanh toán tốt, tỷ suất sinh lợi ổn định, hệ số nợ giảm so cùng kỳ.

www.haiminh.com.vn

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 13.199.847 CP
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông
- Hình thức đăng ký: Ghi sổ
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 13.199.847 CP

5.2 Cơ cấu cổ đông:

✓ Tính đến 31/12/2016 (Theo DS chốt quyền ngày 28/12/2016) cơ cấu cổ đông Công ty CP Hải Minh được thể hiện cụ thể như sau:

TT	THÀNH PHẦN	SỞ HỮU CP	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông lớn	744.717	5,64
2	Cổ đông nhỏ	12.455.130	94,36
3	Cổ đông tổ chức	1.137.591	8,62
4	Cổ đông cá nhân	12.062.256	91,38
5	Cổ đông trong nước	11.470.352	86,90
6	Cổ đông nước ngoài	1.729.495	13,10
7	Cổ đông nhà nước	0	0

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có giao dịch.

5.5 Các loại chứng khoán khác: Công ty sở hữu 275.000 CP HAH của Công ty Cổ phần Vận tải & Xếp dỡ Hải An.

www.haiminh.com.vn

Phần III

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC
VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH VÀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2016

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24/04/2016.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Hải Minh xin báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo tài chính năm 2016 như sau:

TÓM TẮT KẾT QUẢ HỢP NHẤT BCTC 2016

1.1 <u>Kết quả hợp nhất BCTC năm 2016</u>

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2015	Kế Hoạch 2016	Thực hiện 2016	2016 TH/KH (%)	2016/2015 (%)
Tổng doanh thu	**141.181**	**150.012**	**129.390**	**86,0**	**91,65**
+ DT từ hoạt động SXKD	135.815	145.492	115.966	80,0	85,39
+ DT tài chính	3.941	3.020	11.404	377,6	289,37
+ DT Khác	1.425	1.500	2.020	134,7	141,75
Tổng chi phí	**117.773**	**124.800**	**106.128**	**85,0**	**90,11**
+ CP giá vốn	108.717	115.068	95.849	83,3	88,16
+ Tài chính	165	100	154	154,0	93,33
+ CP quản lý doanh nghiệp	8.875	9.632	9.928	102,6	111,86
+ CP Khác	15	0	197	197,0	1313,0
Lợi nhuận sau thuế	**18.434**	**20.250**	**18.821**	**93,0**	**102,1**
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	**14.844**	**13.600**	**12.241**	**90,0**	**82,46**
Tổng lợi nhuận hợp nhất	**33.278**	**33.850**	**31.062**	**92,0**	**93,34**

Tổng doanh thu: 129,39 tỷ đạt 86,00% so kế hoạch và bằng 91,65% cùng kỳ

Trong đó:

+ Doanh thu SXKD: 115,966 tỷ đạt 80,0% so kế hoạch và bằng 85,39% cùng kỳ.

+ Doanh thu HĐTC: 11,404 tỷ tăng 277,6% kế hoạch và tăng 189,37% cùng kỳ.

www.haiminh.com.vn

+ Doanh thu khác: 2,02 tỷ tăng 34,70 % so kế hoạch và tăng 41,75% cùng kỳ .

Tổng chi phí: 106,128 tỷ đạt 85,0% kế hoạch và bằng 90,11% cùng kỳ

Trong đó:

+ Chi phí giá vốn: 95,849 tỷ bằng 83,3% so kế hoạch và bằng 88,16% cùng kỳ.

+ Chi phí QLDN: 9,928 tỷ tăng 2,6% so kế hoạch và tăng 11,86% cùng kỳ

+ Chi phí TC: 154 triệu

+ Chi phí khác: 197 triệu .

Lợi nhuận từ HĐKD (sau thuế): 18,821 tỷ đạt 93,0% kế hoạch và tăng 2,1% cùng kỳ

Lợi nhuận từ đầu tư: 12,241 tỷ đạt 90,0% kế hoạch và bằng 82,46% cùng kỳ

Lợi nhuận hợp nhất: 31,062 tỷ đạt 92,0% kế hoạch và bằng 93,34% cùng kỳ

1.2 Một số chỉ tiêu tài chính (03 năm liền kề)

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	28,55	33,29	34,57
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	71,45	66,71	65,43
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	6,00	4,95	7,85
Vốn chủ sở hữu/ Nguồn vốn	%	93,50	95,05	92,15
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	42,79	28,16	30,61
Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	36,49	24.50	26,79
Lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	20,59	14,21	12,0
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,68	13,00	11,71
Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư CSH	%	40,75	25,21	23,53
Lãi cơ bản /cổ phiếu (EPS)	vnđ	3,728	2,975	2,113

www.haiminh.com.vn

1.3. Báo cáo tình hình sử dụng các quỹ đến 31/12/2015

Đơnvị:triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	.Quỹ đầu tư phát triển	**6.746.260**
2	.Quỹ phúc lợi	
2.1	+ Tồn đầu kỳ	**138.225**
2.2	+ Tăng trong kỳ	2.329.474
2.3	+ Phân bổ cho cac ĐVTV & chi các hoạt động của công ty	2.400.345
2.4	+ Tồn cuối kỳ	**67.354**
3	.Quỹ khen thưởng ban điều hành	
3.1	+ Tồn đầu kỳ	**325.600**
3.2	+ Tăng trong kỳ	1.663.940
3.3	+ Chi thù lao TV HĐQT & BKS	1.050.000
3.4	+ Khen thưởng BGĐ	260.000
3.5	+ Chi các hoạt động của HĐQT	332.340
3.6	+ Tồn cuối kỳ	**347.200**

www.haiminh.com.vn

1.4. Nhân sự và Chính sách đối với người lao động.

Diễn tiến thị trường kinh doanh trong năm 2016 và dự kiến một vài năm kế tiếp sẽ tiếp tục còn khó khăn …Song HĐQT Công ty luôn đồng hành, sát cánh cùng BGĐ trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch SXKD, đồng thời có những quyết sách kịp thời nhằm duy trì ổn định đời sống cho CB CNV người lao động, trong năm qua thu nhập bình quân của người lao động đạt >11tr đồng/người/tháng. Ngoài ra BGĐ & BCH CĐ luôn chủ động sắp xếp thời gian công việc để tổ chức các chương trình du lịch kết hợp giao lưu CB CNV giữa các đơn vị thành viên nhằm trao đổi học hỏi, gắn kết,…trong toàn Cty

Phần IV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT Đ.H.C.Đ NĂM 2016

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2017
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Căn cứ vào Nghị quyết số 01-2016/NQ-ĐHCĐ ngày 24/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên tài khóa 2016 của Công ty cổ phần Hải Minh.

Thay mặt Hội đồng quản trị xin Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của công ty năm 2016 và Dự kiến nhiệm vụ năm 2017 của công ty như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2016.

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU	KH 2016	THỰC HIỆN 2016	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	150.012.500	129.390.698	86.11
Tổng chi phí	124.700.000	106.128.919	85.10
Lợi nhuận sau thuế	20.250.000	18.821.587	93.00
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	13.600.000	12.240.748	90.00
Tổng lợi nhuận hợp nhất	33.850.000	31.062.336	92.00

2. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư 2016:

- ***Đầu tư bãi container 23.000 m^2 Đình vũ:***

Tổng vốn đã thực hiện đến 31/12/2016 là 41,07 tỷ đồng bao gồm:

Năm 2015 là 26,87 tỷ đồng.

Năm 2016 là 14,2 tỷ đồng cho các các hạng mục: Nhà văn phòng điều hành bãi, đường thoát nước, cổng tường rào, hệ thống cung cấp điện, nước, hệ thống cứu hỏa và 15.000 m^2 mặt bãi. Bãi container Đình Vũ đã hoàn tiện và đưa vào hoạt động từ đầu tháng 8/2016.

- ***Mở tuyến vận chuyển container HCM – Phú Quốc*:** Đã tiến hành đóng sà lan phù hợp với tuyến vận chuyển dự kiến hoàn thành trong quý 1/2017 song chưa ấn định được thời gian mở tuyến do chưa tìm được đối tác hợp tác tổ chức bốc xếp container tại đảo Phú Quốc.

3. Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2016:

Công ty đã tiến hành thực hiện phương án phân phối lợi nhuận tuân thủ đúng theo NQ Đại hội cổ đông duyệt trong năm 2016 đề ra. Trong đó đã trích lập các quỹ và chia cổ tức 12% cho các cổ đông.

4. Thực hiện lộ trình tăng vốn điều lệ công ty lên 151 tỷ đồng.

Công ty đã không thực hiện được lộ trình tăng vốn điều lệ đã được thông qua tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm 2016. Nguyên nhân là do

www.haiminh.com.vn

HĐQT công ty nhận thấy nguồn vốn hiện có của công ty có khả năng đáp ứng nhu cầu đầu tư của công ty năm 2016 và những năm tiếp theo. Do vậy HĐQT nhất trí đề nghị xin ý kiến ĐHĐCĐ năm 2017 phê duyệt quyết định hoãn lộ trình tăng vốn điều lệ công ty đến khi cần thiết.

5. Tình hình quản trị công ty.

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị công ty đã họp ra 06 Nghị quyết, 07 Quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực để thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông kiểm điểm tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tài khoá năm 2015 thông qua phương hướng nhiệm vụ năm 2016 của Công ty.

Đã tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế quản lý của công ty. Thực hiện việc quản lý, giám sát các hoạt động kinh doanh của công ty theo các quy chế đã ban hành. Người đại diện phần vốn góp tại các công ty có vốn góp của công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị đã có những biện pháp cụ thể để giữ bình ổn giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán như: Việc công bố các thông tin kịp thời, đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban chứng khoán Nhà nước…Thực hiện tốt các quy định của Luật chứng khoán đối với công ty đã niêm yết trên thị trường.

6. Thực hiện quỹ HĐQT năm 2016.

Quỹ HĐQT tồn đến 31/12/2015	:	325.600.000 đ
Trích lập quỹ HĐQT năm 2016 theo NQ ĐHĐCĐ duyệt	:	1.663.940.000đ
Chi thù lao HĐQT (05 người)	:	790.000.000đ
Chi thù lao cho BKS (03 người)	:	260.000.000đ
Chi khen thưởng cho Ban Tổng giám đốc (03 người)	:	260.000.000 đ
Chi cho các hoạt động của HĐQT	:	332.340.000đ

B. PHƯƠNG HƯỚNG - NHIỆM VỤ NĂM 2017.

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016 và dự tính tình hình thị trường năm 2017 HĐQT công ty dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 như sau:

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN 2016	KẾ HOẠCH 2017	TỶ LỆ %
Tổng doanh thu	129.390.698	115.821.000	89,52
Tổng chi phí	106.128.919	101.751.854	95,87
Lợi nhuận sau thuế	18.821.587	11.532.076	61,27
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	12.240.748	13.500.000	110,29
Tổng lợi nhuận hợp nhất	31.062.336	25.032.076	81,00

www.haiminh.com.vn

2. Kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất:

Trong năm 2017 công ty tiếp tục tập trung nghiên cứu, tìm kiếm các dịch vụ mới nhằm mở rộng sản xuất, lựa chọn các hạng mục đầu tư, nâng cấp sở vật chất kỹ thuật hiện có để phát triển sản xuất năm 2017.

Có kế hoach thanh lý thay mới, các thiết bị bốc xếp, phương tiện vận tải đã cũ và hết hạn sử dụng bằng nguồn vốn khấu hao của các đơn vị.

3. Công tác quản lý công ty:

Dự kiến tình hình kinh tế, thị trường, giá cả năm 2017 còn nhiều bất ổn, tình hình thị trường về Vận chuyển đường bộ, đường sông, bãi container có xu hướng suy giảm do cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp FDI nhất là các doanh nghiệp của Trung Quốc. Chúng ta không thể lường trước được sự diễn biến phức tạp của thị trường hàng hải hiện nay. Do vậy chúng ta cần phải:

Kiên trì với chiến lược phát triển của công ty, bám sát thị trường giữ vững các dịch vụ, khách hàng truyền thống tìm kiếm khách hàng mới đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để đáp ứng với yêu cầu của thị trường.

Các chi phí năm 2016 còn vượt cao so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ quan là việc xây dựng kế hoạch chưa sát với thực tế, mặt khác việc quản lý chi phí chưa được chặt chẽ triệt để. Do vậy yêu cầu công tác quản lý công ty cần phải hoàn thiện hơn nữa. Đặc biệt Ban giám đốc phải có kế hoạch cụ thể cắt giảm các chi phí, khai thác tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có nhằm giảm chi phí mua ngoài,duy trì và nâng cao chất lượng dich vụ đối với khách hàng, linh động trong công tác thị trường, thương vụ …giữ các khách hàng truyền thống trong các dịch vụ khai thác kho bãi, vận chuyển, đại lý …

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp trong CBCNV, đào tạo cán bộ quản lý dài hạn…Rà soát lại lực lượng lao động, điều chỉnh lao động một cách hợp lý trong tất cả các doanh nghiệp thành viên. Đảm bảo đời sống của CBCNV trong toàn công ty.

HĐQT tăng cường công tác kiểm tra giám sát các hoạt động của công ty về mọi mặt, cùng với Ban giám đốc hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc các quy chế hoạt động, quy chế nội bộ, các định mức tiền lương và các định mức chi phí khác sát với thực tế, xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn của công ty..

www.haiminh.com.vn

Phần V
QUẢN TRỊ CÔNG TY

I – Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Phùng Văn Quang	Chủ tịch	337.904 Cổ phiếu, chiếm 2.56%	
2	Nguyễn Quốc Hùng	P.Chủ tịch	437.385 Cổ phiếu, chiếm 3.31%	
3	Nguyễn Văn Hà	Thành viên	340.185 Cổ phiếu , chiếm 2.58%	Không điều hành
4	Nguyễn Mỹ Hải	Thành viên	334.273 Cổ phiếu , chiếm 2.53%	Không điều hành
5	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	218.698 Cổ phiếu , chiếm 1.66%	Từ nhiệm T3/2016

www.haiminh.com.vn

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị công ty đã họp và ra 13 Nghị quyết & Quyết định trong nhiều lĩnh vực để thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông tài khoá năm 2015 thông qua phương hướng nhiệm vụ năm 2016 của Công ty.

Đã tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế quản lý của công ty như: Quy chế người đại diện phần vốn góp tại các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế nội bộ về quản trị công ty…Thực hiện việc quản lý, giám sát các hoạt động kinh doanh của công ty theo các quy chế đã ban hành.

Các thành viên được Hội đồng quản trị cử tham gia HĐQT hoặc trực tiếp tham gia điều hành các công ty có vốn góp của công ty như: Công ty TNHH K'Line Việt Nam, Công ty TNHH tiếp vận Dongbu – Hải Minh đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Riêng Công ty cổ phần hàng hải Hưng Phú năm 2016 tiếp tục làm ăn thua lỗ do việc quản lý điều hành của Ban giám đốc công ty yếu kém, HĐQT công ty đã quyết định thoái toàn bộ vốn từ tháng 7 năm 2016.

Hội đồng quản trị đã có những biện pháp cụ thể để giữ bình ổn giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán như: Việc công bố các thông tin kịp thời,

đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban chứng khoán Nhà nước…Thực hiện tốt các quy định của Luật chứng khoán đối với công ty đã niêm yết trên thị trường.

1.4 Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016 HĐQT đã có các Nghị quyết, Quyết định sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2016/NQ-HĐQT	08/01/2016	- Chi trả cổ tức kỳ 2/2015 tỷ lệ 4% bằng tiền mặt
2	02-2016/NQ-HĐQT	17/03/2016	- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 + Tổng doanh thu đạt: 145,1 tỷ đạt 115% so với kế hoạch. + Tổng chi phí: 121,6 tỷ đạt 121% so với kế hoạch. + Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 33,3 tỷ đạt 99% so với kế hoạch. - Thông qua các chỉ tiêu dự kiến kế hoạch năm 2016 của Công ty Cổ phần và các đơn vị thành viên. + Tổng doanh thu đạt: 150,2 tỷ bằng 103% so với thực hiện năm 2015. + Tổng chi phí: 124,8 tỷ bằng 102% so với thực hiện năm 2015. + Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 33,8 tỷ bằng 102% so với thực hiện năm 2015. - Dự kiến kế hoạch cổ tức năm 2016 là 12% bằng tiền mặt. - Thông qua kế hoạch họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2016 vào tháng 04/2016 - Thông qua việc thoái vốn khỏ Công ty Hàng Hải Hưng phú.
3	03–2016 / NQ-HĐQT	29/03/2016	- Thông qua việc từ nhiệm TV HĐQT của Ông Nguyễn Trung Kiên.
4	04–2016 / NQ-HĐQT	22/04/2016	- Thông qua các báo cáo đọc tại Đại hôi đồng cổ đông thường niên năm 2016. + Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016 + Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 + Báo cáo năm 2015 của Ban Kiểm soát + Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2015 + Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn lên 151 tỷ đồng. + Tờ trình "Sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với Luật DN năm 2014". + Tờ trình thông qua ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông. - Thông qua kết quả SXKD Quý 1 năm 2016 + Tổng doanh thu đạt: 30,24 tỷ đồng.. + Tổng chi phí: 25,1 tỷ đồng. + Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 6,6 tỷ đồng - Thông qua việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xếp dỡ Hải An.
5	01-QĐ-HĐQT	03/05/2016	- Chấp thuận thay đổi cách tính chi phí tiền lương theo chức danh
6	02-QĐ-HĐQT	06/05/2016	- Giao BGĐ thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp: Thay đổi vốn điều lệ đúng với số thực góp - Giao BGĐ phối hợp Công ty Luật thay đổi Điều lệ Công ty
7	03-2016/QĐ-HĐQT	09/05/2016	- QĐ Chi trả thù lao HĐQT & BKS.
8	04-2016/QĐ-HĐQT	09/05/2016	- QĐ chi thưởng BGĐ.
9	05-2016/QĐ-HĐQT	26/07/2016	- Chấp thuận phương án xử lý vốn tại Công ty Hàng hải Hưng phú theo hướng chuyển toàn bộ vốn góp cho đối tác khác.
10	06-2016/QĐ-HĐQT	26/07/2016	- Cử Ông Nguyễn Thế Hưng là đại diện vốn góp tại Công ty Hàng hải Hưng phú.
11	05-2016/NQ-HĐQT	10/08/2016	- Thông qua kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2016 và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2016: ➢ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm

www.haiminh.com.vn

			- Tổng doanh thu: 56,07 tỷ đạt 37,38% kế hoạch. - Tổng chi phí 47,26 tỷ đạt 36,8% so vớ kế hoạch. - Lợi nhuận hợp nhất sau thuế: 11,8 tỷ đạt 35% so với kế hoạch. ➢ Thực hiện đầu tư 6 tháng đầu năm - Dự án Bãi container Đình vũ: Tổng mức đầu tư đã thực hiện 40,86 tỷ dự kiến đưa vào sử dụng trong tháng 8/2016. - Dự án tuyến HCM-Phú quốc: Đã thực hiện đầu tư 7,4 tỷ để đóng mới sà lan chuẩn SB. Dự kiến xong vào tháng 12 năm 2016. ➢ Dự kiến thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm. - Tổng doanh thu: 66,97 tỷ. - Tổng chi phí 49,04 tỷ. - Lợi nhuận hợp nhất sau thuế: 19,73 tỷ. - Thông qua tỷ lệ tạm chia cổ tức kỳ 1 năm 2016 với tỷ lệ 7% bằng tiền mặt.
12	06-2016/NQ-HĐQT	16/11/2016	- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2016 và kế hoạch SXKD 3 tháng cuối năm 2016 như sau :. ➢ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2016 - Tổng doanh thu: 86,59 tỷ đạt 57,7% kế hoạch năm - Tổng chi phí: 71,54 tỷ đạt 57,3% so vớ kế hoạch năm. - Lợi nhuận hợp nhất sau thuế: 21,32 tỷ đạt 63% so với kế hoạch năm. ➢ Dự kiến thực hiện kế hoạch 3 tháng cuối năm 2016. - Tổng doanh thu: 35 tỷ. - Tổng chi phí: 26,5 tỷ. - Lợi nhuận hợp nhất sau thuế: 10,3 tỷ. - Thông qua việc trình Đại hội đồng cổ đông không phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty trong năm 2016. Việc hủy phát hành cổ phiếu tăng vốn sẽ trình tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2017. Nguồn vốn chủ sở hữu dự kiến phát hành tăng vốn sẽ trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2017 xem xét chia cho cổ đông bằng tiền mặt. - Thông qua việc giải tỏa hạn chế chuyển nhượng cho số cổ phiếu đã phân phối cho các cổ đông đã mua số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết trong kỳ phát hành năm 2015.
13	07-2016/QĐ-HĐQT	06/12/2016	- Chia cổ tức kỳ 2 năm 2016 với tỷ lệ 5% bằng tiền mặt..

www.haiminh.com.vn

II – Ban kiểm soát

1 – Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban	526.718 Cổ phiếu, chiếm 3.99%	
2	Triệu Đình Trung	Thành viên	114.675 Cổ phiếu, chiếm 0.87%	
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	257.535 Cổ phiếu, chiếm 1.95%	

2 – Hoạt động và đánh giá của Ban kiểm soát:

2.1. Hoạt động của Ban Kiểm soát.

Thực hiện nhiệm vụ của cổ đông giao phó, trong năm Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động:

- Kiểm tra, đánh giá các báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính của Ban Giám Đốc giữa kỳ và cuối kỳ.

- Giám sát tình hình triển khai nghị quyết Đại hội cổ đông, xem xét các hoạt động đầu tư, các Hợp đồng kinh tế ký kết trong năm

- Thẩm tra tính minh bạch, hợp lý của hoạt động kế toán và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tại Tp.HCM và các công ty thành viên tại Hải Phòng, đưa ra kiến nghị đối với Ban lãnh đạo công ty về những thiếu sót.

- Kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật bao gồm thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nghĩa vụ đối với người lao động v.v…

- Tham gia các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị Công ty, giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám Đốc phù hợp với qui định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết đã được Đại Hội cổ đông thông qua.

- Xem xét các báo của đơn vị kiểm toán độc lập.

- Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo tuân thủ theo đúng qui định của pháp luật và điều lệ Công ty.

www.haiminh.com.vn

2.2. Báo cáo kết quả giám sát

Sau khi nhận được các Báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát đã triển khai xem xét kỹ các nội dung trong báo cáo, kiểm tra chứng từ thu chi theo nguyên tắc chọn mẫu, xem xét các hồ sơ tài sản, tiền vốn, công nợ phải thu phải trả, các hợp đồng kinh tế và các hồ sơ liên quan khác. Ban Kiểm soát xin báo cáo quý vị cổ đông như sau:

1. Kết quả kinh doanh của Công ty năm 2016.

- Tổng Doanh thu : ***129.39 tỷ Đồng*** – bằng 86.0% kế hoạch
- Tổng chi phí : ***106,12 tỷ Đồng***
- Lợi nhuận sau thuế : ***18,82 tỷ Đồng*** – đạt 93.0% kế hoạch.
- Lợi nhuận từ LDLK : ***12,24 tỷ Đồng***
- Lợi nhuận hợp nhất : ***31,06 tỷ Đồng*** - đạt 92.0% kế hoạch đề ra

Ban kiểm sóat nhận xét:

Kết quả kinh doanh năm 2016 chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, nguyên nhân chủ yếu là do thị trường vân tải trong năm cả quốc tế và nội địa đều cực kỳ khó khăn, điển hình là vụ phá sản của Hanjin, các hãng tàu lớn hàng đầu thế giới cũng phải cải tổ mạnh mẽ, hoặc mua bán sát nhập để vượt qua khủng khoảng, nguồn hàng giảm sút cùng với việc các hãng tàu đều tìm cách cắt giảm chi phí khiến doanh thu những dịch vụ cốt lõi của Hải Minh là kinh doanh kho bãi và vận tải bộ bị ảnh hưởng nặng nề, thực tế nhiều đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải cùng nghành nghề đang lâm vào tình trạng sa sút nghiêm trọng.

Trong bối cảnh đó, Ban Kiểm sóat nhận thấy Hội Đồng Quản trị và Ban Giám Đốc cùng cán bộ công nhân viên công ty đã rất cố gắng để giải quyết khó khăn, giảm thiểu tác động tiêu cực, dù doanh thu chỉ được 86.0% nhưng lợi nhuận hợp nhất đạt 92,0% kế hoạch, thu nhập của cán bộ công nhân viên được duy trì ổn định.

Tuy nhiên Ban Kiểm soát cũng kiến nghị Ban Lãnh đạo công ty nỗ lực hơn nữa tìm biện pháp cơ cấu lại hoạt động, hợp lý hóa quy trình khai thác, tinh gọn bộ máy nhân sự, cắt giảm chi phí để đối phó với tình hình khó khăn dự kiến sẽ còn tiếp tục trong năm 2017.

2. Kiểm tra báo cáo tài chính và hoạt động kế toán Công ty năm 2016.

Xem xét các báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán, Ban Kiểm soát nhận xét Báo cáo Tài chính năm 2016 của Công ty đã phản ánh trung thực các chỉ tiêu tài chính quan trọng của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2016

Công tác kế tóan, lập chứng từ thu chi nhìn chung rõ ràng và đầy đủ, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý liên quan. Tuy nhiên vẫn còn phát sinh một số thiếu sót trong việc hạch toán, Ban kiểm soát đã đề nghị Ban Giám Đốc lưu ý nhắc nhở các bộ phận.

Vấn đề công nợ luôn được Ban Giám Đốc và kế toán theo dõi chặt chẽ và thường xuyên đôn đốc, tuy vậy vẫn tồn đọng một số khoản nợ quá hạn, Ban Kiểm soát đã lưu ý Ban Giám Đốc cần có biện pháp quyết liệt hơn để thu hồi sớm.

Mới đây khi quyết toán thuế 4 năm tài chính từ 2011 đến 2014 của công ty Hải Minh, cơ quan thuế đã ra quyết định truy thu 775 triệu và phạt 275 triệu, Ban Kiểm soát hiểu rằng đặc thù ngành vận tải phát sinh nhiều chi phí thường bị cơ quan thuế từ chối đưa vào chi phí hợp lý, ví dụ chi phí đị đường trong hoạt động vận tải bộ, chi phí chăm sóc khách hàng v.v… tuy nhiên Ban Giám Đốc cần lưu ý tìm biện pháp thích hợp để tránh bị xử lý hành chính, ảnh hưởng đến uy tín công ty.

3. Giám sát công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2016.

Ban Kiểm soát đánh giá:

- Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người quản lý khác đã thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao theo qui định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, linh hoạt trong công tác quản lý điều hành, nỗ lực kiểm soát và xử lý khó khăn, bảo vệ tốt lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc đã triển khai đúng nghị quyết được Đại hội cổ đông năm trước thông qua trong việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, thực hiện đúng kế hoạch đầu tư bãi tại KCN Đình Vũ Hải Phòng, đóng mới phương tiện để chuẩn bị mở tuyến Phú Quốc

- Riêng kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ HĐQT đã thống nhất tạm hoãn và xin ý kiến cổ đông trong đại hội lần này, Ban Kiểm soát thấy đây là quyết định hợp lý do nguồn vốn hiện có của công ty đủ khả năng đáp ứng nhu cầu đầu tư trong giai đoạn sắp tới.

- Trong năm Hội Đồng Quản tri đã tổ chức họp định kỳ 4 lần sau mỗi quý, ban hành 6 nghị quyết, các cuộc họp được triệu tập và tổ chức phù hợp với quy định, việc ban hành các nghị quyết đều hợp lệ, đúng thẩm quyền.

www.haiminh.com.vn

- Công ty đã thực hiện tốt việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

III . Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGĐ

3.1 Thù lao năm 2015 của HĐQT

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao đã nhận trong năm 2015	Ghi chú
1	Phùng Văn Quang	Chủ tịch	900.100.000	Chuyên trách
2	Nguyễn Quốc Hùng	P.Chủ tịch	415.000.000	Chuyên trách
3	Nguyễn Văn Hà	Thành viên	155.000.000	
4	Nguyễn Mỹ Hải	Thành viên	155.000.000	
5	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	155.000.000	

3.2 Thù lao Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao đã nhận trong năm 2015	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban	120.000.000	
2	Triệu Đình Trung	Thành viên	70.000.000	
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	70.000.000	

3.3 Thu nhập Ban giám đốc

STT	Thành viên	Chức danh	Thu nhập đã nhận trong năm 2015	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Hưng	T.Giám đốc	677.550.000	
2	Đặng Ngọc Hùng	P. T. Giám đốc	527.100.000	
3	Trần Đoàn Viện	GĐ PT phía bắc	543.157.200	

3.4 Thông tin giao dịch của HĐQT, BKS, cổ đông liên quan: Không có

Phần VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN 2016

www.haiminh.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Hội đồng quản trị			
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên		
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên		29 /3/ 2016
Bà Nguyễn Mỹ Hải	Ủy viên		
Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban		
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên		
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên		
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Thành Văn	Kế toán trưởng		

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Thế Hưng, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với

mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0302[illegible]182 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH - Q. BÌNH THẠNH TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THẾ HƯNG – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Vietland®
Limited
Số : 0159/2017/BCTC-KTV

02 Huynh Khuong Ninh St., Da Kao Ward, District 1, HCMC
Tel : (84-8) 3910 5401 - Fax : (84-8) 3910 5402
Email : vietland@vietlandaudit.com.vn
Website : www.vietlandaudit.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2017, từ trang 6 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt

VÕ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc	**NGUYỄN ĐỨC TẤN - Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:2666-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B01a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2016	Số dư 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**99.530.822.537**	**89.624.778.397**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**46.523.785.892**	**52.599.242.118**
1. Tiền	111		14.023.785.892	14.516.205.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.500.000.000	38.083.036.667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**1.282.694.444**	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.282.694.444	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**47.853.988.976**	**31.810.807.855**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	35.826.973.234	22.901.838.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.639.321.927	899.400.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	8.387.693.815	8.009.569.696
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.4**	**730.863.097**	**409.147.190**
Hàng tồn kho	141		730.863.097	409.147.190
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.139.490.128**	**4.805.581.234**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	2.427.924.109	1.566.585.917
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		309.289.971	2.365.537.735
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		402.276.048	873.457.582
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**188.364.965.400**	**179.625.123.512**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**467.088.000**	**997.088.000**
Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	467.088.000	997.088.000
II. Tài sản cố định	**220**		**97.718.418.334**	**106.824.915.628**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	95.846.912.917	105.105.954.977
Nguyên giá	*222*		*162.856.805.968*	*160.708.277.567*
Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(67.009.893.051)*	*(55.602.322.590)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.871.505.417	1.718.960.651
Nguyên giá	*228*		*1.893.987.237*	*1.721.291.237*
Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(22.481.820)*	*(2.330.586)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**40.662.097.159**	**22.823.947.544**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	40.662.097.159	22.823.947.544
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**43.867.260.720**	**43.109.776.064**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9a	40.967.243.901	36.309.776.064
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9b	2.900.016.819	5.800.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**5.650.101.187**	**5.869.396.276**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	5.471.071.647	5.078.595.528
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		179.029.540	48.371.866
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
3. Lợi thế thương mại	269		-	742.428.882
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**287.895.787.937**	**269.249.901.909**

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2016	Số dư 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**22.592.751.676**	**13.319.321.096**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**22.437.751.676**	**13.015.300.043**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	11.560.934.565	6.455.117.554
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.260.459.277	3.257.456.828
3. Phải trả người lao động	314		1.190.245.281	1.571.894.499
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		115.011.375	181.973.943
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	7.809.293.895	1.085.005.415
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		87.253.053	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	414.554.230	463.851.804
II. Nợ dài hạn	**330**		**155.000.000**	**304.021.053**
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	155.000.000	198.068.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	105.953.053
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**265.303.036.261**	**255.930.580.813**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.14**	**265.303.036.261**	**255.930.580.813**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*131.998.470.000*	*131.998.470.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.860.984.271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.746.260.664	6.746.260.664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119.339.287.797	109.777.973.675
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*88.342.229.587*	*76.622.858.271*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*30.997.058.210*	*33.155.115.404*
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.325.033.529	1.546.892.203
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**287.895.787.937**	**269.249.901.909**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

NGUYỄN THẾ HƯNG	**NGUYỄN THÀNH VĂN**	**NGUYỄN THÀNH VĂN**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Có so sánh với số liệu kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015)

MẪU B02a-DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.1**	**115.966.322.718**	**135.815.175.067**
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**02**		**3.510.000**	**-**
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**115.962.812.718**	**135.815.175.067**
4.	**Giá vốn hàng bán**	**11**	**VI.2**	**95.849.402.345**	**108.716.859.223**
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**20.113.410.373**	**27.098.315.844**
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**21**	**VI.3**	**11.404.161.018**	**3.941.365.357**
7.	**Chi phí tài chính**	**22**	**VI.4**	**153.994.331**	**165.117.403**
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8.	**Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết**	**24**		**12.240.748.359**	**14.843.793.618**
9.	**Chi phí bán hàng**	**25**		**-**	**-**
10.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**26**	**VI.5**	**9.928.422.579**	**8.875.702.796**
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**33.675.902.840**	**36.842.654.620**
12.	Thu nhập khác	31		2.020.214.296	1.425.152.571
13.	Chi phí khác	32		197.099.931	15.635.494
14.	**Lợi nhuận (lỗ) khác**	**40**	**VI.6**	**1.823.114.365**	**1.409.517.077**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**35.499.017.205**	**38.252.171.697**
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	4.574.248.816	5.022.348.262
17.	Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(137.567.941)	(48.371.866)
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**31.062.336.330**	**33.278.195.301**
	Trong đó:				
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		30.997.058.210	33.155.115.404
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		65.278.120	123.079.897
19.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.8a**	**2.113**	**2.975**
20.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**	**VI.8b**	**2.113**	**2.975**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

NGUYỄN THẾ HƯNG	**NGUYỄN THÀNH VĂN**	**NGUYỄN THÀNH VĂN**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***35.499.017.205***	***38.252.171.697***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.104.914.410	12.663.191.323
- Các khoản dự phòng	03		-	(375.744.460)
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(57.445.337)	(2.199.245)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(23.741.032.645)	(19.594.631.731)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***24.805.453.633***	***30.942.787.584***
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(15.009.077.217)	5.290.247.756
- Tăng hàng tồn kho	10		(321.715.907)	728.240.869
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.113.224.585	(1.188.835.370)
- Tăng chi phí trả trước	12		(1.253.814.311)	1.469.113.043
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.938.867.484)	(4.269.841.814)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.190.081.458)	(3.143.023.851)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***5.205.121.841***	***29.828.688.217***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(22.727.463.996)	(35.237.390.483)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.633.400.577	2.703.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(19.150.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.899.983.181	22.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.282.694.444)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.000.000.000	1.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	21.661.046.898	15.820.757.112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***3.184.272.216***	***(11.362.997.007)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	23.555.018.547
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(14.522.295.620)	(14.956.456.910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(14.522.295.620)***	***8.598.561.637***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(6.132.901.563)**	**27.064.252.847**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**52.599.242.118**	**25.532.790.026**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		57.445.337	2.199.245
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**V.1**	**46.523.785.892**	**52.599.242.118**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

NGUYỄN THẾ HƯNG	**NGUYỄN THÀNH VĂN**	**NGUYỄN THÀNH VĂN**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND

  Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu

  Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

  Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

  Điện thoại : 08 35128 668

  Fax : 08 35128 688

  Mã số thuế : **0 3 0 2 5 2 5 1 6 2**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 2 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bỉnh Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bỉnh Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bỉnh Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	25,00%	25,00%	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải đường bộ

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 163 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 174 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;

- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dự trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Tài sản khác	5 - 10

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất/quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau cảng, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào " chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

  Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền mặt	1.594.004.861	1.855.176.357
Tiền gửi ngân hàng	12.429.781.031	12.661.029.094
Các khoản tương đương tiền (i)	32.500.000.000	38.083.036.667
Cộng	**46.523.785.892**	**52.599.242.118**

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,2%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/3016	31/12/2015
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	5.760.687.873	2.761.104.961
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	326.593.044	1.206.996.872
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.520.543.759	2.567.486.859
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	1.191.982.778	1.098.841.806
Công ty TNHH Tiếp Vận Việt Tín	175.025.000	206.877.000
Các khách hàng khác	25.852.140.780	15.060.530.661
Cộng	**35.826.973.234**	**22.901.838.159**
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	5.760.687.873	2.761.104.961
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	326.593.044	1.206.996.872
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.520.543.759	2.567.486.859
Cộng	**8.607.824.676**	**6.535.588.692**

3. Phải thu khác

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	***8.387.693.815***	-	***8.009.569.696***	-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.352.378.277	-	6.352.378.277	-
Tạm ứng nhân viên	398.286.810	-	461.810.659	-
Ký cược, ký quỹ	250.000.000	-	-	-
Lãi dự thu	242.131.603	-	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	80.633.501	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.064.263.624	-	1.195.380.760	-
b) Phải thu dài hạn khác	***467.088.000***	-	***997.088.000***	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	-		100.000.000	
Ký quỹ làm đại lý tiêu thụ	-		500.000.000	
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	467.088.000	-	397.088.000	-
Cộng	**8.854.781.815**	**-**	**9.006.657.696**	**-**

4. Hàng tồn kho

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Nguyên liệu, vật liệu	147.954.792	-	-	-
Hàng hóa	582.908.305	-	409.147.190	-
Cộng	**730.863.097**	**-**	**409.147.190**	**-**

5. Chi phí trả trước

	31/12/2016	**31/12/2015**
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	***2.427.924.109***	***1.566.585.917***
Chi phí mua bảo hiểm	469.828.008	452.383.188
Công cụ, dụng cụ	217.252.669	1.114.202.729
Chi phí sửa chữa	493.067.947	-
Chi phí khác	1.247.775.485	-
b) Chi phí trả trước dài hạn	***5.471.071.647***	***5.078.595.528***
Công cụ, dụng cụ	3.384.981.465	4.906.541.680
Chi phí sửa chữa	772.245.435	172.053.848
Chi phí khác	1.313.844.747	-
Cộng	**7.898.995.756**	**6.645.181.445**

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2016	76.808.507.516	411.805.821	75.638.491.259	3.755.344.698	4.094.128.273	160.708.277.567
Tăng trong năm	-	-	5.401.507.181	-	-	5.401.507.181
Giảm trong năm	-	-	3.252.978.780	-	-	3.252.978.780
31/12/2016	**76.808.507.516**	**411.805.821**	**77.787.019.660**	**3.755.344.698**	**4.094.128.273**	**162.856.805.968**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
01/01/2016	19.689.106.388	65.311.728	33.245.793.044	1.142.773.144	1.459.338.286	55.602.322.590
Tăng trong năm	3.582.822.432	99.923.913	8.370.107.935	326.148.516	705.760.380	13.084.763.176
Giảm trong năm	-	-	1.677.192.715	-	-	1.677.192.715
31/12/2016	**23.271.928.820**	**165.235.641**	**39.938.708.264**	**1.468.921.660**	**2.165.098.666**	**67.009.893.051**
Giá trị còn lại						
01/01/2016	57.119.401.128	346.494.093	42.392.698.215	2.612.571.554	2.634.789.987	105.105.954.977
31/12/2016	**53.536.578.696**	**246.570.180**	**37.848.311.396**	**2.286.423.038**	**1.929.029.607**	**95.846.912.917**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, một số tài sản cố định hữu hình hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 15.325.167.644 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 13.424.238.970 VND).

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2016	1.721.291.237	1.721.291.237
Tăng trong kỳ	172.696.000	172.696.000
Giảm trong kỳ	-	-
31/12/2016	**1.893.987.237**	**1.893.987.237**
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2016	2.330.586	2.330.586
Tăng trong kỳ	20.151.234	20.151.234
Giảm trong kỳ	-	-
31/12/2016	**22.481.820**	**22.481.820**
Giá trị còn lại		
01/01/2016	1.718.960.651	1.718.960.651
31/12/2016	**1.871.505.417**	**1.871.505.417**

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	31/12/2015
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau Cảng	34.779.448.068	22.461.947.544
Các công trình khác	5.882.649.091	362.000.000
Cộng	**40.662.097.159**	**22.823.947.544**

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào các công ty liên kết (a)	40.967.243.901	36.309.776.064
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b)	2.900.016.819	5.800.000.000
Cộng	**43.867.260.720**	**42.109.776.064**

a) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Giá trị đầu tư	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú (*)	Cộng
Tại ngày 01/01/2016	18.175.783.651	7.069.435.800	800.000.000	26.045.219.451
Tại ngày 31/12/2016	18.175.783.651	7.069.435.800	-	25.245.219.451
Phần lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư				
Tại ngày 01/01/2016	9.331.303.438	1.631.785.399	(698.532.224)	10.264.556.613
Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	10.738.302.749	1.603.913.386	(101.467.776)	12.240.748.359
Cổ tức tạm ghi nhận trong năm	(10.959.771.887)	-	-	(10.959.771.887)
Điều chỉnh tăng lãi lỗ đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết (chỉ ghi nhận khoản lỗ tương ứng với giá trị còn lại của khoản đầu tư)	-	-	-	-
Điều chỉnh tăng giá trị theo giá trị tài sản thuần tại ngày 31/12/2016	3.795.108.010	(418.616.645)	-	3.376.491.365
Tại ngày 31/12/2016	**12.904.942.310**	**2.817.082.140**	**-**	**14.922.024.450**
Giá trị hợp lý				
Tại ngày 01/01/2016	27.507.087.089	8.701.221.199	101.467.776	36.309.776.064
Tại ngày 31/12/2016	**31.080.725.961**	**9.886.517.940**	**-**	**40.967.243.901**

(*) Trong năm Công ty đã thoái vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 15 tháng 7 năm 2016 giữa Ông Nguyễn Đình Hưng và Công ty Cổ phần Hải Minh. Tiền Công ty thu được từ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần này với giá trị là 80.000.000 VND.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016			31/12/2015		
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá trị hợp lý**	**Giá gốc**	**Dự phòng**	**Giá trị hợp lý**
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	2.900.016.819	-	2.900.016.819	5.800.000.000	-	5.800.000.000
Cộng	**2.900.016.819**	**-**	**2.900.016.819**	**5.800.000.000**	**-**	**5.800.000.000**

(*) Giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 275.000 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 550.000 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phải trả người bán

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	-	-	17.240.000	17.240.000
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.755.601.460	1.755.601.460	1.977.928.060	1.977.928.060
Công ty Hoa Tiêu Tân Cảng	1.480.659.554	1.480.659.554	536.618.487	536.618.487
Khách hàng khác	8.324.673.551	8.324.673.551	3.923.331.007	3.923.331.007
Cộng	**11.560.934.565**	**11.560.934.565**	**6.455.117.554**	**6.455.117.554**

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 31/12/2016
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	***3.920.205***	***6.398.015.412***	***6.187.197.628***	***214.737.989***
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu	(797.927.696)	799.127.696	144.336.281	(143.136.281)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp	801.847.901	5.598.887.716	6.042.861.347	357.874.270
Thuế thu nhập doanh nghiệp	***1.715.309.076***	***4.574.248.816***	***5.938.867.484***	***350.690.408***
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu	79.263.907	415.468.471	652.007.954	(157.275.576)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp	1.636.045.169	4.158.780.345	5.286.859.530	507.965.984
Thuế thu nhập cá nhân	***146.309.130***	***1.167.940.032***	***1.132.640.473***	***181.608.689***
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu	(75.529.886)	72.353.288	86.890.593	(90.067.191)
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp	221.839.016	1.095.586.744	1.045.749.880	271.675.880
Các loại thuế khác	***518.460.835***	***1.863.844.491***	***2.271.159.183***	***111.146.143***
Thuế môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Thuế đất	424.062.000	895.210.000	1.331.069.000	(11.797.000)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	94.398.835	954.634.491	926.090.183	122.943.143
Thuế phải nộp	94.398.835	954.634.491	926.090.183	122.943.143
Cộng	**2.383.999.246**	**14.004.048.751**	**15.529.864.768**	**858.183.229**

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 31/12/2016
Trình bày:				
Thuế phải thu	873.457.582			402.276.048
Thuế phải nộp	3.257.456.828			1.260.459.277

12. Phải trả khác

	31/12/2016	31/12/2015
a) Phải trả ngắn hạn khác	**7.809.293.895**	**1.085.005.415**
Kinh phí công đoàn	116.401.880	90.118.730
Bảo hiểm xã hội	21.960.159	-
Bảo hiểm y tế	5.554.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.030.900	-
Cổ tức phải trả	6.599.923.500	2.463.920
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	86.000.000	20.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	977.422.956	972.422.765
b) Phải trả dài hạn khác	**155.000.000**	**198.068.000**
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	-	140.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng và Môi trường Ngọc Anh - Nhận ký quỹ dài hạn	-	30.000.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	155.000.000	28.068.000
Cộng	**7.964.293.895**	**1.283.073.415**

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	01/01/2016	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Thu khác	Chi trong năm/kỳ	31/12/2016
Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	138.225.132	2.824.473.671	650.109.000	(3.545.456.713)	67.351.090
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	325.626.672	1.663.939.765	-	(1.642.363.297)	347.203.140
Cộng	**463.851.804**	**4.488.413.436**	**650.109.000**	**(5.187.820.010)**	**414.554.230**

14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2015	**100.000.000.000**	**2.959.478.445**	**(694.034.275)**	**7.479.128.591**	**107.220.552.832**	**1.147.640.025**	**218.112.765.618**
Tăng vốn	31.998.470.000	2.779.741.555	-	(733.424.655)	(11.305.566.900)	276.729.009	23.015.949.009
Lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	33.155.115.404	123.079.897	33.278.195.301
Bán cổ phiếu quỹ	-	(44.273.318)	673.712.109	-	-	-	629.438.791
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.056.477.822)	-	(4.056.477.822)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(15.235.649.839)	-	(15.235.649.839)
Điều chỉnh khác	-	166.037.589	20.322.166	556.728	-	(556.728)	186.359.755
Số 31/12/2015	**131.998.470.000**	**5.860.984.271**	**-**	**6.746.260.664**	**109.777.973.675**	**1.546.892.203**	**255.930.580.813**
Số dư 01/01/2016	**131.998.470.000**	**5.860.984.271**	**-**	**6.746.260.664**	**109.777.973.675**	**1.546.892.203**	**255.930.580.813**
Tăng vốn	-	-	-	-		-	
Lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	30.997.058.210	65.278.165	31.062.336.375
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	-	(3.993.413.436)	(122.523.169)	(4.115.936.605)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(21.119.755.200)	-	(21.119.755.200)
Tăng khác	-	20.000.000	-	-	3.791.868.883	135.150.991	3.947.019.874
Giảm khác	-	13.000.000	-	-	(114.444.335)	(299.764.661)	(401.208.996)
Số dư 31/12/2016	**131.998.470.000**	**5.893.984.271**	**-**	**6.746.260.664**	**119.339.287.797**	**1.325.033.529**	**265.303.036.261**

(*) Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2016, bao gồm: chia cổ tức 12%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 7% Lợi nhuận hợp nhất; trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị 5% Lợi nhuận hợp nhất.

(*) Khoản tăng khác do xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016			31/12/2015		
Tên cổ đông	**Số cổ phần**	**VND**	**Tỷ lệ (%)**	**Số cổ phần**	**VND**	**Tỷ lệ (%)**
Công ty Cổ phần HMC	-	-	0,00%	929.198	9.291.980.000	7,04%
Peter Eric Dennis	744.717	7.447.170.000	5,64%	744.717	7.447.170.000	5,64%
Ông Nguyễn Thế Quân	526.718	5.267.180.000	3,99%	509.750	5.097.500.000	3,86%
Ông Nguyễn Quốc Hùng	437.385	4.373.850.000	3,31%	437.385	4.373.850.000	3,31%
Pyn Elite Fund (Non - ucits)	381.000	3.810.000.000	2,89%	381.000	3.810.000.000	2,89%
Ông Lê Ngọc Đức	341.886	3.418.860.000	2,59%	341.886	3.418.860.000	2,59%
Ông Nguyễn Văn Hà	340.185	3.401.850.000	2,58%	340.185	3.401.850.000	2,58%
Ông Phùng Văn Quang	337.904	3.379.040.000	2,56%	337.904	3.379.040.000	2,56%
Bà Nguyễn Mỹ Hải	334.273	3.342.730.000	2,53%	334.273	3.342.730.000	2,53%
Các cổ đông khác	9.755.779	97.557.790.000	73,91%	8.843.549	88.435.490.000	67,00%
Cộng	**13.199.847**	**131.998.470.000**	**100,00%**	**13.199.847**	**131.998.470.000**	**100,00%**

Cổ phiếu

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
Cổ phiếu phổ thông	*13.199.847*	*13.199.847*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
Cổ phiếu phổ thông	*13.199.847*	*13.199.847*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

15. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2016	01/01/2016
Đô la Mỹ	USD	70.892,56	57.828,29

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Dịch vụ vận tải	47.244.273.138	70.990.952.913
Dịch vụ khai thác kho bãi	47.174.955.867	40.452.444.930
Dịch vụ đại lý container	11.663.408.448	13.043.024.724
Cho thuê văn phòng	1.519.916.416	636.802.619
Doanh thu bán hàng hóa	8.363.768.849	10.691.949.881
Cộng	**115.966.322.718**	**135.815.175.067**

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	45.703.167.057	63.310.112.110
Giá vốn khai thác kho bãi	35.823.614.138	28.249.222.410
Giá vốn đại lý container	4.734.872.148	5.474.460.907
Giá vốn Cho thuê văn phòng	1.538.768.880	930.650.880
Giá vốn hàng hóa	8.048.980.122	10.752.412.916
Cộng	**95.849.402.345**	**108.716.859.223**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.474.185.192	625.685.545
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	3.880.218	-
Đầu tư khác	9.227.089.819	1.650.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	225.351.295	-
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	336.209.157	615.679.812
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thanh toán	57.445.337	-
Lãi chuyển nhượng vốn	80.000.000	1.050.000.000
Cộng	**11.404.161.018**	**3.941.365.357**

4. Chi phí tài chính

Chi phí đầu tư chứng khoán	20.021.918	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	133.972.413	165.117.403
Cộng	**153.994.331**	**165.117.403**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	5.388.628.699	5.059.429.981
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	312.195.129	-
Chi phí dụng cụ quản lý	370.902.934	-
Chi phí khấu hao	402.641.708	186.535.178
Thuế phí và lệ phí	40.139.813	6.356.161
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	164.662.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.845.086.775	2.032.637.532
Chi phí bằng tiền khác	1.404.165.521	1.590.743.944
Cộng	**9.928.422.579**	**8.875.702.796**

6. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác		
Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.633.400.577	1.425.152.568
Góp vốn bằng tài sản	386.813.719	-
Thu nhập khác	-	3
Cộng	**2.020.214.296**	**1.425.152.571**
Chi phí khác		
Nộp phạt thuế	87.120.563	15.635.494
Chi phí khác	109.979.368	-
Cộng	**197.099.931**	**15.635.494**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	**1.823.114.365**	**1.409.517.077**

- Thuế suất 22%	*-*	*5.021.016.758*
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**4.574.248.816**	**5.022.348.262**

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Quyết toán thuế của các Công ty con và Công ty mẹ sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. Lãi trên cổ phần

Việc tính toán lãi trên cổ phần cơ bản và lãi trên cổ phần suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	**30.997.058.210**	**33.155.115.404**
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.099.705.821)	(3.315.511.540)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	**27.897.352.389**	**29.839.603.864**
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	13.199.847	10.029.400
Lãi cơ bản trên cổ phần	**2.113**	**2.975**

b) Lãi suy giảm trên cổ phần

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	**27.897.352.389**	**29.839.603.864**
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	**27.897.352.389**	**29.839.603.864**
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phần	13.199.847	10.029.400
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	**13.199.847**	**10.029.400**
Lãi suy giảm trên cổ phần	**2.113**	**2.975**

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	22.672.969.197	26.534.196.343
Chi phí nhân viên	28.316.923.881	26.544.108.022
Chi phí khấu hao	13.104.914.410	12.663.191.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.901.628.511	47.286.189.600
Chi phí bằng tiền khác	2.781.388.925	4.564.876.731
Cộng	**105.777.824.924**	**117.592.562.019**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	242.131.603	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng từ lợi nhuận được chia	-	276.729.009
Lãi từ Công ty liên kết chưa thu	6.352.378.277	6.352.378.277
Mua sắm, xây dựng tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	264.888.800	-
Cổ tức phải trả	6.599.923.500	2.463.920

2. Các giao dịch bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm 2016	Năm 2015
Cổ tức năm trước trả trong năm nay	2.463.920	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Trong vòng 1 năm	3.824.411.000	3.824.411.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	9.592.545.000	12.968.397.000
Sau 5 năm	4.037.031.000	4.485.590.000
Cộng	**17.453.987.000**	**21.278.398.000**

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi, thuê văn phòng theo các hợp đồng như sau:

- Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động tại Công ty Cổ phần Hải Minh (Công ty mẹ) thể hiện tổng số tiền thuê 9.211 m2 để làm kho bãi container và các sinh hoạt khác tại số 1201 Xa lộ Hà Nội, phường Ngãi Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với giá thuê là 11.000 VND/m2/01 tháng theo hợp đồng số 07/TMB-TV ký ngày 10 tháng 4 năm 2015 với thời hạn 05 năm tính từ ngày 15/5/2015. Và thuê 15.000 m2 để làm kho bãi container tại số 1354 Nguyễn Xiển, phường Long Bình, Quận 9 với giá thuê là 180.000.000 VND/01 tháng theo hợp đồng thuê số 01/2013 ký ngày 11 tháng 3 năm 2015 với thời hạn thuê là 05 năm.
- Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động tại Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thể hiện tổng số tiền thuê 20.330,03 m2 tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thuê đất số 22/HĐTĐ ngày 27 tháng 7 năm 2009 và Thông báo 3212/TB-CT ngày 18 tháng 5 năm 2016 được ký với thời hạn 30 năm tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2000, đơn giá thuê 448.559.000 VND/m2/năm.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Lợi nhuận được chia	*10.959.771.887*	*18.847.449.844*
Cung cấp dịch vụ	*9.325.109.626*	*19.066.493.223*
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	*-*	*140.000.000*
Cung cấp dịch vụ	*3.517.388.965*	*2.204.465.189*
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú		
Cung cấp dịch vụ	*536.043.759*	*2.189.481.820*
Phí đại lý	*-*	*188.550.001*
Mua hàng hóa, dịch vụ	*-*	*195.602.808*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Phải thu khách hàng	*5.760.687.873*	*2.411.895.646*
Phải thu khác	*6.352.378.277*	*6.352.378.277*
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu khách hàng	*326.593.044*	*1.206.996.872*
Phải trả tiền ký quỹ thuê văn phòng	*140.000.000*	*140.000.000*
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú		
Phải thu khách hàng	*2.520.543.759*	*2.031.443.100*
Phải trả người bán	*-*	*17.240.000*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương, thưởng	1.875.055.341	1.382.800.000
Cộng	**1.875.055.341**	**1.382.800.000**

3. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chủ yếu loại hình dịch vụ do đó không phát sinh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại hai địa điểm Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý

	Năm 2016	Năm 2015
Thành phố Hải Phòng	74.590.207.803	63.373.960.588
Thành phố Hồ Chí Minh	41.376.114.915	72.441.214.479
Cộng	**115.966.322.718**	**135.815.175.067**

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2016	31/12/2015	Năm 2016	Năm 2015
Thành phố Hải Phòng	64.593.544.496	69.963.964.315	1.065.909.636	5.309.299.998
Thành phố Hồ Chí Minh	33.124.873.838	36.860.951.313	4.508.293.545	20.589.445.258
Cộng	**97.718.418.334**	**106.824.915.628**	**5.574.203.181**	**25.898.745.256**

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.523.785.892	46.523.785.892	52.599.242.118	52.599.242.118
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	35.826.973.234	35.826.973.234	22.901.838.159	22.901.838.159
Phải thu khác	8.133.729.901	8.133.729.901	8.544.847.037	8.544.847.037
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.282.694.444	1.282.694.444	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.900.016.819	2.900.016.819	5.800.000.000	5.800.000.000
Cộng	**94.667.200.290**	**94.667.200.290**	**90.845.927.314**	**90.845.927.314**

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	11.560.934.565	11.560.934.565	6.455.117.554	6.455.117.554
Chi phí phải trả ngắn hạn	115.011.375	115.011.375	181.973.943	181.973.943
Phải trả khác	7.818.346.456	7.818.346.456	1.190.490.765	1.190.490.765
Cộng	**19.494.292.396**	**19.494.292.396**	**7.827.582.262**	**7.827.582.262**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.9.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể do tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản tiền gửi đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,...

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định hiện hành.

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng uy tín và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với

số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.523.785.892	-	-	46.523.785.892
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	35.826.973.234	-	-	35.826.973.234
Phải thu khác	7.666.641.901	467.088.000	-	8.133.729.901
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.282.694.444	-	-	1.282.694.444
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.900.016.819	-	2.900.016.819
Cộng	**91.300.095.471**	**3.367.104.819**	**-**	**94.667.200.290**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	11.560.934.565	-	-	11.560.934.565
Chi phí phải trả ngắn hạn	115.011.375	-	-	115.011.375
Phải trả ngắn hạn khác	7.818.346.456	-	-	7.818.346.456
Cộng	**19.494.292.396**	**-**	**-**	**19.494.292.396**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**71.805.803.075**	**3.367.104.819**	**-**	**75.172.907.894**
31/12/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.599.242.118	-	-	52.599.242.118
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.901.838.159	-	-	22.901.838.159
Phải thu khác	7.547.759.037	997.088.000	-	8.544.847.037
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000			1.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	5.800.000.000	-	5.800.000.000
Cộng	**84.048.839.314**	**6.797.088.000**	**-**	**90.845.927.314**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	6.455.117.554	-	-	6.455.117.554
Chi phí phải trả ngắn hạn	181.973.943	-	-	181.973.943
Phải trả khác	992.422.765	198.068.000	-	1.190.490.765
Cộng	**7.629.514.262**	**198.068.000**	-	**7.827.582.262**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**76.419.325.052**	**6.599.020.000**	-	**83.018.345.052**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

NGUYỄN THẾ HƯNG	**NGUYỄN THÀNH VĂN**	**NGUYỄN THÀNH VĂN**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Công ty Cổ Phần Hải Minh

CHỦ TỊCH HĐQT

Phùng Văn Quang

ĐÀO KIM TRỌNG

Digitally signed by ĐÀO KIM TRỌNG
DN: c=VN, st=Hồ Chí Minh, l=Quận 4, cn=ĐÀO KIM TRỌNG, 0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:022959271
Date: 2017.04.17 10:01:22 +07'00'